

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHYT theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3710	Nguyễn Thị Ngân		01/01/1937		ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3711	Hoàng Thị Nữ		13/02/1937	270580613	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3712	Nguyễn Đăng Trung	03/03/1937		270605731	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3713	Đỗ Thị Kim Oanh		04/05/1937	272044168	Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3714	Đỗ Thị Chuông		01/01/1937	271031770	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3715	Nguyễn Thị Nhật		01/01/1941	270581043	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3716	Phạm Văn Lý	20/10/1937		270580886	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3717	Vũ Ngọc Chi		20/10/1938	270561190	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3718	Nguyễn Văn Thăng	10/11/1955		270638799	Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3719	Phạm Thị Phương		15/09/1959	270698960	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3720	Hoàng Xuân Khâm	25/12/1937		270581550	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3721	Trần Thị Liên		01/01/1941	270581087	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người già cô đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
3722	Nguyễn Thị Xuân		18/02/1931	272411775	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3723	Hà Thị Huệ		18/02/1934	270580640	Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3724	Nguyễn Hoài Khanh	05/11/1993		272442671	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3725	Nguyễn Hữu Sơn	14/10/1965			ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3726	Phạm Thị Ái		01/01/1939	271298897	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3727	Đỗ Văn Hoàng	01/08/1961		271027593	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3728	Nguyễn Hữu Đạt	30/05/1979		271313644	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3729	Ngô Thị Oanh		10/04/1939	271987544	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3730	Nguyễn Thành Khải	15/10/1973		271027362	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3731	Phạm Thị Long Biên		25/10/1974	271153820	ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3732	Nguyễn Thị Đào		10/03/1963	270358430	ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3733	Võ Thị Tốt		01/01/1940		ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3734	Võ Thị Tốt		01/01/1940		ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3735	Nguyễn Thị Lý		01/01/1930		ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Người già cô đơn từ 80 tuổi trở lên	600.000	1.500.000	
3736	Trương Nguyễn Thụy Ngân		01/01/1988		ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3737	Nguyễn Thị Oanh		01/01/1963		ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3738	Trần Thị Uyên		01/01/1920		ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3739	Phạm Thị Lượng		03/08/1945	270581782	ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3740	Trần Văn Thịnh	08/08/1946		270581782	ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3741	Vũ Đình	01/01/1929			ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3742	Trần Công Dương	01/01/1932			ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3743	Nguyễn Thị Phương		01/01/1952		ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3744	Vũ Thị Mỹ Hạnh		22/03/1994		ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3745	Vũ Trần Minh Nhật	01/11/1996			ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3746	Trần Thị Kim Dung		17/11/1987		ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3747	Ngô Thị Hoa		10/11/1942		ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3748	Ngô Văn Đáng	12/04/1979			ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3749	Bùi Văn Gắt	27/07/1953			ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3750	Bùi Ngọc Trâm		22/07/1987		ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Người đơn thân thuộc hộ nghèo nuôi trên 01 con	600.000	1.500.000	
3751	Trần Thị Hoạt		01/01/1935		ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3752	Tăng Thị Lanh		15/08/1936		ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3753	Ngô Quang Cảnh	08/10/1936			ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3754	Tăng Thị Lợi		01/01/1937		ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3755	Nguyễn Cư	08/01/1939			ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3756	Nguyễn Thị Thanh		15/12/1957		ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3757	Phạm Thị Thuật		02/09/1938		ấp Hưng Phát, xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3758	Nguyễn Xuân Toàn	24/06/1969		270795515	ấp Hưng Phát , xã Hưng Thịnh	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3759	Nguyễn Văn Long	02/06/1939		270581819	ấp Hưng Phát , xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3760	Trần Thị Một		05/10/1938	272655009	ấp Hưng Phát , xã Hưng Thịnh	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3761	Đặng Hoàng Bắc	01/01/1992			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3762	Hoàng Thị Mã		07/07/1959	272191411	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3763	Nguyễn Đồng	01/01/1923			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3764	Trần Thị Liễu		01/01/1921		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3765	Nguyễn Văn Hoan	01/01/1963			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3766	Nguyễn Thị Huệ		25/05/1935		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3767	Nguyễn Thị Kim Liên		01/01/1958		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3768	Trương Thành Mua	01/01/1984			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3769	Đình Văn Thọ	01/01/1957			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3770	Lê Thị Quỳnh Hoa		18/08/1957		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3771	Lê Thị Phiến		01/01/1933		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3772	Nguyễn Như Phương	01/01/1962			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3773	Phạm Hữu Y	01/01/1923			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3774	Đinh Thị Ban		01/01/1924		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3775	Võ Thị Tim		01/01/1920		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3776	Lê Thị Hiếu		01/01/1936		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3777	Trần Văn Công	08/09/1958			ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3778	Trần Thị Hân		01/01/1933		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3779	Nguyễn Ngọc Sơn	03/12/1994			ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3780	Nguyễn Thị Mai		12/12/1970	271571639	ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3781	Trần Thị Lôi		10/05/1926		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3782	Nguyễn Thị Hiện		13/04/1959	272191881	ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3783	Nguyễn Trần Tuyết Nhung		13/10/1988		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3784	Nguyễn Ngọc Nhật	16/02/1988			ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3785	Nguyễn Dũ Pháp	17/09/1998			ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3786	Phan Thị Xuân Diệu		20/05/1966		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3787	Bùi Thị Huệ		01/01/1937	271859930	ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3788	Nguyễn Quân	01/01/1983			ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3789	Trần Thị Ân		29/12/1956		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3790	Ngô Quang Sinh	01/01/1975			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3791	Hoàng Trung	01/01/1961			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3792	Phạm Hoàng Tuấn Linh	12/01/1991			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3793	Hồ Tấn Triêm	01/01/1947			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3794	Lê Quang Tín	01/01/1951			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3795	Lê Thị Yến	23/11/1955			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3796	Huỳnh Tấn Thái	20/06/1958			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3797	Nguyễn Ngọc Hào	27/02/2003			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3798	Phạm Thị Ngân	20/10/1984			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3799	Phạm Văn Cừ	01/01/1969			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3800	Nguyễn Trung Nghĩa	26/11/1988			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3801	Nguyễn Thị Tuyết Mai	02/06/1959		270428557	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3802	Đỗ Thừa	01/01/1927			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3803	Trần Thị Ngự		01/01/1927	270409670	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3804	Trần Thị Nhon		06/06/1931		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3805	Huỳnh Thị Diệu Hương		24/06/1959	272307898	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3806	Ngô Thị Thâm		01/01/1928		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3807	Trần Thị Thanh		01/01/1929		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3808	Ngô Công Hiền	01/01/1930			ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3809	Nguyễn Văn Đình	28/08/1928			ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3810	Võ Thị Lê		01/01/1929		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3811	Trần Văn Giang	10/05/1929			ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3812	Quách Chi Tùng	16/06/1978			ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3813	Lê Quốc Thắng	07/01/1987			ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3814	Tổng Thị Nhân		01/01/1931		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3815	Dương Thị Bảy		01/01/1931		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3816	Nguyễn Thị Phong		01/01/1930		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3817	Nguyễn Việt Giang	05/10/1964			ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3818	Trương Thị Hòa		01/01/1931		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3819	Lê Thị Quy		07/08/1934		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3820	Phạm Thị Hào		01/01/1934		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3821	Trần Thị Biện		01/01/1933		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3822	Trần Thị Nam		12/12/1931		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3823	Nguyễn Văn	01/01/1966		271218266	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3824	Trần Viễn	01/01/1932			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3825	Lê Thị Cao		16/02/1932		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3826	Nguyễn Thị Ngâm		01/01/1932		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3827	Trương Gia Huy	31/08/2006			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3828	Nguyễn Thị Ngọc Trâm		12/10/1983		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3829	Phạm Thị Miêu		01/01/1948		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người già có đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
3830	Trần Thị Tăng		30/05/1951		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người già có đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
3831	Nguyễn Hữu	01/01/1935			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3832	Đỗ Thị Thu		01/01/1933	270409517	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3833	Trần Thị Vành		01/01/1933	273278108	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3834	Thái Thị Dương		01/01/1933		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3835	Trần Thị Bé		20/10/1933		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3836	Nguyễn Thị		12/05/1933		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3837	Nguyễn Thị Kim Anh		10/07/1934		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3838	Hồ Thị Hoài Thanh		19/01/1959		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3839	Nguyễn Thị Thay		01/01/1934		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3840	Nguyễn Thị Mùi		01/01/1934		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3841	Nguyễn Thị Diệc		01/01/1934		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3842	Nguyễn Tá	01/01/1933			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3843	Trần Thị Niêm		01/01/1934		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3844	Nguyễn Thị Xoa		03/03/1946		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người già có đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
3845	Trần Thường	01/01/1934			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3846	Tổng Thị Khen		10/05/1938	270438524	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3847	Phan Nguyễn Hồng Anh		10/01/1984		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3848	Nguyễn Trần Quốc Huy	15/08/1985			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3849	Trần Thị Mảng		02/03/1934	270409618	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3850	Nguyễn Thị Thanh Nhân		21/07/2011		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3851	Nguyễn Thành Vương	11/09/1987			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3852	Nguyễn Thị Định		24/12/1934		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3853	Nguyễn Thị Kính		01/01/1935		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3854	Trần Văn Lâm	01/01/1935			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3855	Phùng Thị Ly		01/01/1935		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3856	Nguyễn Thị Thảo		01/01/1938	270428408	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3857	Trần Lê Yến Nhi		27/11/2004		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3858	Trần Lê Quốc Anh	10/05/2006			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3859	Lê Thị Thanh Tâm		15/10/1977		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3860	Nguyễn Trung Thành	28/02/1965			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3861	Phạm Tố Quyên		04/03/2005		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3862	Nguyễn Thị Nguyên		01/01/1936		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3863	Phan Văn Nhật	01/01/1936			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3864	Lê Thị Nam		01/01/1938	270409673	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3865	Trần Minh Quốc	13/09/1960			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3866	Nguyễn Thị Ngộ		01/01/1936		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3867	Trần Thị Ngọc Tám		08/11/1977	272655420	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3868	Phạm Văn Quang	01/01/1980			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3869	Võ Thị Dừng		05/06/1937		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHYT theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3870	Vũ Mạnh Bằng	06/12/1955			ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3871	Nguyễn Thị Hồng Duyên		05/06/1936		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3872	Phạm Thị Sáng		20/04/1936		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3873	Nguyễn Thắng	20/02/2000			ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3874	Lê Thị Yến		01/01/1967		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3875	Đình Văn Thành	10/10/1936			ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3876	Đình Văn Chương	18/06/1988			ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3877	Lê Thị Hoa		01/01/1938		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3878	Nguyễn Thị Giao		01/01/1937		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3879	Nguyễn Thị Huệ		25/12/1936		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3880	Phạm Thanh Minh	01/01/1937			ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3881	Nguyễn Thị Khiên		01/01/1937		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3882	Huỳnh Thị Lễ		01/01/1937		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3883	Phan Mỹ	15/01/1937			ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3884	Trương Thị Lê		11/05/1937		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3885	Nguyễn Thị Nư		01/01/1937		ấp Quảng Biền, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3886	Nguyễn Trọng Thượng	01/01/1937		270428614	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3887	Nguyễn Thị Hoa		10/05/1970	264269207	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3888	Phan Xuân Thành	02/03/1937		270797473	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3889	Võ Thị Lập		01/01/1937	270428380	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3890	Ngô Văn Anh	19/05/1937		250766290	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3891	Võ Thị Dũng		15/06/1937	270425918	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3892	Trần Thị Huệ		01/01/1937	271567930	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3893	Trương Thị Giệp		07/07/1937	270409534	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3894	Nguyễn Thị Dứt		20/10/1937	271646140	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3895	Trần Thị Mai		01/01/1938	271892834	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3896	Trương Văn Cam	01/01/1938		271922030	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3897	Tổng Thị Chi Giao		09/04/1963	270409993	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3898	Thảm Minh Quyền	07/07/1937		270787121	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3899	Nguyễn Mãi	08/04/1958		270428140	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3900	Trần Thị Đóa		15/08/1960	270867765	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3901	Trần Trọn	15/05/1938		270428132	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3902	Lê Thị Hương		20/03/1938	270428558	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3903	Ngô Thị Hồng		06/05/1938	270433630	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3904	Dương Đức Hạnh	05/04/1963		270415075	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3905	Trần Thị Thanh Bình		01/01/1972		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3906	Tổng Thị Mỹ Linh		23/03/1938	025168403	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3907	Nguyễn Thị Ánh		01/01/1956	271794313	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3908	Đào Xuân Bón	17/03/1954			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3909	Trần Thị Thảo		02/03/1923		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3910	Lê Thị Tình		09/01/1963		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3911	Đoàn Thị Cừ		02/10/1927		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3912	Trần Thị Đới		01/01/1937		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3913	Trần Minh Ngọc	28/04/1957			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3914	Đinh Văn Máy	01/01/1939			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3915	Phạm Đăng Dinh	01/02/1939		270428109	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3916	Nguyễn Thị Bạch		10/02/1940	270080366	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3917	Nguyễn Thị Lang		01/01/1939	270433669	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3918	Lê Trần Thanh Quang	04/04/1985		271635546	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3919	Trần Vuông	10/02/1970		270867828	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3920	Trần Văn Thái	18/12/1961		270452628	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3921	Trần Hoàng Tâm Hạnh		26/04/1983	271531884	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3922	Vũ Phan Minh Đức	12/09/2014			ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3923	Nguyễn Bảo Kim Ngân		01/09/2012		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3924	Nguyễn Thị Hồng		12/12/1963	272668402	ấp Quảng biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3925	Nguyễn Văn Thung	01/11/1939		271646190	ấp Quảng biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3926	Nguyễn Thị Hương		23/11/1963	272521991	ấp Quảng biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3927	Nguyễn Thị Bạch		29/09/1970	270428110	ấp Quảng biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3928	Hồ Miên	03/01/1940		272655529	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3929	Lê Quảng	11/09/1954		270433576	ấp Quảng biên, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3930	Nguyễn Thị Hiện		13/04/1959		ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Người nghèo (theo quyết định : 4367/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh)	300.000	1.500.000	
3931	Đinh Văn Chương	18/06/1988		271814732	ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3932	Lê Kim Loan	01/01/1912			ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3933	Nguyễn Thị Sứ		01/01/1930		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3934	Trần Minh Luân	01/01/1964			ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3935	Trần Thị Lý		20/12/1968		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3936	Nguyễn Thị Vui		01/01/1947		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3937	Thái Thị Mai		01/01/1917		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3938	Trương Thị Trung		01/01/1912	2501244173	ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3939	Lê Thị Mỹ		15/06/1926		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3940	Hoàng Văn Thạch	01/01/1927			ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3941	Trương Ân	01/01/1969			ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3942	Trương Thị Lạc		01/01/1931		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3943	Phạm Văn Phúc	01/01/1968			ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3944	Trần Ngọc Bích		06/02/1929		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3945	Hồ Huệ	02/08/1930			ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3946	Nguyễn Thị Ngọc		01/01/1931		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3947	Huỳnh Văn Dũng	23/03/1951			ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3948	Huỳnh Thị Oanh		08/10/1968		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3949	Phạm Thị Người		07/06/1930		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3950	Nguyễn Thương Phúc	20/09/1957			ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3951	Trần Thị Lan		01/01/1958		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3952	Nguyễn Thị Diễm Phúc		25/12/1994		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3953	Hồ Thị Lợi		01/01/1932		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3954	Đinh Thị Sang		01/01/1932	270920432	ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3955	Đỗ Trọng Vinh	19/06/1929			ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3956	Đỗ Minh Quân	27/01/2004			ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3957	Trần Thị Hồng Diễm		05/10/1985		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3958	Nguyễn Thị Đào		06/08/1932		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3959	Nguyễn Thị Mùi		15/07/1932	271693243	ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3960	Đỗ Thị Chung		05/05/1932	272636045	ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3961	Đoàn Quang Huân	10/02/1992			ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3962	Nguyễn Thị Ngại		28/08/1933		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3963	Dương Thị Hiến		05/03/1933		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3964	Nguyễn Thành Tâm	15/01/2010			ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3965	Nguyễn Thị Sen		09/03/1933	270242410	ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHYT theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Tự cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3966	Phạm Bích Ngọc		19/01/2007		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3967	Phạm Hữu Vũ Tuấn	19/05/1990			ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3968	Cao Thị Tới		20/01/1946	270426900	ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3969	Nguyễn Thị Kim Phượng		04/09/1982		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3970	Hà Thị Nhở		03/12/1940	272695266	ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3971	Đoàn Thị Khang		09/05/1973	271379555	ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3972	Phạm Thị Thanh		13/03/1966		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3973	Trần Văn Luyến	20/12/1956			ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
3974	Nguyễn Thị Hoa		01/01/1936		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3975	Lê Văn Hoàng	11/07/2007			ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3976	Trương Văn Tấn Đạt	20/02/2008			ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3977	Nguyễn Thị Mến		01/01/1962		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3978	Trần Văn Đình	01/01/1937		272103699	ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3979	Nguyễn Thị Liêm		01/01/1937		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3980	Trần Lương	01/01/1926		270409714	ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3981	Trần Thị Nhị		15/07/1930		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3982	Phan Phương	01/01/1937			ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3983	Đoàn Thị Lý		01/01/1937		ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3984	Nguyễn ThịXuân Trang		20/02/1977	271279528	ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người đơn thân thuộc hộ nghèo nuôi trên 01 con	600.000	1.500.000	
3985	Nguyễn Xuân Triệu	05/10/1944		271892663	ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3986	Hồ Thị Tất		01/01/1938	270920345	ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3987	Trần Quang Tuấn	17/09/1971		270887736	ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3988	Nguyễn Thị Tám		16/08/1969	271034719	ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3989	Trần Kim Dzu	01/07/1972			ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
3990	Thanh Thị Kim Hồng		28/03/1985	271625928	ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
3991	Nguyễn Thế Cáo	05/05/1939	272840477	272240477	ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3992	Nguyễn Hữu Thông	20/01/1959		270427534	ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
3993	Nguyễn Thị Thanh Thảo		03/06/1980	271412135	ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3994	Huỳnh Thị Trơ		19/09/1936	272766803	ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3995	Nguyễn Thị Kim Ngân		15/07/1997	272493149	ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3996	Nguyễn Văn Điểm	06/02/1940		270427667	ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
3997	Nguyễn Thị Thế		01/01/1940	270427340	ấp Quảng Hòa, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
3998	Phan Tiến Thạch	01/01/1982			ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
3999	Nguyễn Thị Thảo		01/01/1975		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4000	Nguyễn Thị Đình		01/01/1923		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4001	Đặng Văn Phương	01/01/1987			ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4002	Đặng Văn Ba	01/01/1957			ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4003	Đặng Công Khuyển	24/04/1924			ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4004	Đặng Kim Anh		25/11/1953		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4005	Đỗ Thị Khuê		01/01/1927		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4006	Lưu Thị Mùi		01/01/1954		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4007	Ngô Thị Hải		01/01/1925		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4008	Lê Đức Huy	03/02/1955			ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4009	Đặng Văn Thủy	01/01/1926			ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4010	Lưu Thị Miên		20/03/1927		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4011	Nguyễn Thị Chính		02/03/1926		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4012	Ngô Hữu Quốc	01/01/1985			ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4013	Lê Công Duẩn	07/02/1978			ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4014	Đặng Văn Nam	01/01/1987			ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4015	Nguyễn Thuận	01/01/1930			ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4016	Trần Thị Chương		01/01/1935		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4017	Nguyễn Thị Tâm		01/01/1933	270440058	ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4018	Trần Văn Thành	01/01/1930		270994308	ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4019	Nguyễn Thị Em		01/02/1928		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4020	Trần Vũ Văn	06/12/2006			ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4021	Hoàng Hương Lê		07/07/1975	271344405	ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4022	Trần Đình Cúc		10/10/1925		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4023	Nguyễn Văn Hai	01/01/1931			ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4024	Nguyễn Thị Nương		01/05/1939	270409733	ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4025	Đặng Thị Hồng Nga		01/01/1928		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4026	Đỗ Thị Chuôn		01/01/1932		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4027	Nguyễn Thị Hào		05/02/1932		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4028	Nguyễn Thị Quế		11/10/1934		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4029	Trần Đào	01/01/1968			ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4030	Lê Yến Như		11/11/2005		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4031	Vương Thị Mỹ Nga		30/06/1978	271351070	ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4032	Châu Thị Mai Suong		25/05/1987		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4033	Đặng Ngọc Đan	01/01/1933			ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4034	Mai Thị Chít		05/01/1933		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4035	Trần Thị Duyên		20/08/1964		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4036	Lê Hoàng Long	02/05/2008			ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4037	Phan Thị Lưu		13/02/1984		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4038	Hoàng Thị Xuân		01/01/1935		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4039	Trịnh Thị Lâu		10/09/1935		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4040	Nguyễn Khắc Thanh	10/09/1935			ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4041	Nguyễn Hoàng Linh	11/11/2011			ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4042	Trần Thị Hồng		10/02/1987		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4043	Châu Bửu Mười	12/10/1935			ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4044	Trần Thị A		01/01/1936		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4045	Bạch Thị Chương		03/03/1933		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4046	Trịnh Thị Duyên		01/01/1925		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4047	Nguyễn Văn Hứa	26/03/1958			ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4048	Trần Thị Minh		01/01/1937	272635066	ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4049	Hồ Thị Mỹ Quyên		03/05/2015		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4050	Hồ Thị Viên		01/01/1937	271646124	ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4051	Phan Miên		15/07/1937	270409701	ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4052	Phan Thị Thức		18/08/1937	270433759	ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4053	Nguyễn Thị Vy		01/10/1937	270428499	ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4054	Nguyễn Thị Hoa		05/06/1944	270409647	ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người già cô đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
4055	Nguyễn Sỹ Bé	09/12/1971			ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4056	Nguyễn Thị Xuân		01/01/1973		ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4057	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh		10/10/1968	272469931	ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4058	Ngô Thành Nhân	01/01/1966		271987222	ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4059	Phạm Quốc Huy	16/07/2011			ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4060	Nguyễn Phạm Bảo Nam	29/02/2012			ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4061	Nguyễn Thị Xanh		23/03/1959	271646115	ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4062	Lê Văn Hoàng	19/11/1939		272667976	ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4063	Trần Thông	18/01/1940		271082470	ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4064	Nguyễn Thị Ngọc		01/01/1970	272217071	ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4065	Vũ Thị Hoi		08/02/1959	270417996	ấp Quảng Lộc, xã Quảng Tiến	Người nghèo (theo quyết định : 4367/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh)	300.000	1.500.000	
4066	Đỗ Hữu Quyền	05/02/1967			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4067	Trần Thị Huệ		01/01/1942		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4068	Nguyễn Văn Thắng	01/01/1965			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4069	Trương Minh Quý	01/01/1986		271814930	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4070	Phan Thị Thành		01/01/1923		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người già cô đơn từ 80 tuổi trở lên	600.000	1.500.000	
4071	Lê Thị Chính		01/01/1923		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4072	Nguyễn Văn Cà	01/01/1957			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4073	Trần Thị Kim Phụng		01/01/1971		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4074	Nguyễn Hoàng An	01/01/1985		271814880	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4075	Nguyễn Thái Bình	01/01/1964			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4076	Nguyễn Minh Tâm	23/03/1957			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4077	Vũ Thúy Phượng		01/01/1970		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4078	Nguyễn Thị Hương		05/06/1925		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4079	Lê Thị Tư		01/01/1925		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4080	Võ Thị Kiệt		23/02/1927		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4081	Điệp Như Nghiêm		01/01/1925		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4082	Bùi Văn Oánh	01/01/1926			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4083	Phạm Thị Phép		01/01/1926		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4084	Nguyễn Thị Đăng		01/01/1926		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4085	Nguyễn Thị Hương		01/01/1926		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4086	Trương Thủy Tiên		08/03/1993		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4087	Nguyễn Oanh Thanh Thủy		01/01/1993		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4088	Nguyễn Thị Minh Hương		01/01/1957	270433783	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4089	Nguyễn Thị Vân		06/11/1959		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4090	Nguyễn Thị Thanh		17/05/1956		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4091	Võ Xuân Hân	15/05/1993			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4092	Nguyễn Văn Mạo	01/01/1965			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4093	Trần Văn Vũ	14/11/1993			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4094	Trương Thị Yến		01/01/1969		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4095	Nguyễn Phúc Thanh	01/01/1964			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4096	Trần Thị Sè		01/01/1927		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4097	Nguyễn Thị Quý		01/01/1930		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4098	Nguyễn Thị Lan		01/01/1970		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4099	Nguyễn Dịch	01/01/1928			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4100	Huỳnh Thị Ngọc Anh		12/10/1929		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4101	Nguyễn Thị Mùi		01/01/1928		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4102	Đỗ Thị Huệ		01/01/1924	270433287	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4103	Nguyễn Lương Nam	13/03/1961		270433716	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4104	Võ Thị Cháo		01/01/1934		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4105	Nguyễn Thị Phương Lan		24/06/1960		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4106	Trần Thị Cúc		16/05/1931		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4107	Nguyễn Thị Chanh		01/01/1927		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4108	Trần Văn Mai	30/11/1931			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4109	Trần Thị Ty		18/09/1929		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4110	Hồ Văn Hữu	20/11/1939			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người già cô đơn dưới 80 tuổi	450.000	1.500.000	
4111	Nguyễn Thị Tám		01/01/1931		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4112	Lê Thị Thật		01/01/1932		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4113	Võ Đức Thuận	15/03/1959			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4114	Phạm Đăng Quân	13/10/2003			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4115	Mai Thị Ngọc Ánh		25/11/1966		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4116	Nguyễn Thị Lê		12/02/1934		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4117	Nguyễn Thị Kim		19/08/1932		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4118	Trần Thị Nô		01/01/1935		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4119	Trần Kiều Oanh		27/06/2009		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4120	Nguyễn Thị Lại		21/07/1985		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4121	Nguyễn Thị Lãnh		01/01/1933		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4122	Trần Thị Ngân		01/01/1933		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4123	Huỳnh Thị Thanh Xuân		01/01/1947		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	600.000	1.500.000	
4124	Phạm Văn Khoa	23/02/1960			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4125	Trần Thị Thảo		01/01/1934		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHYT theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4126	Trần Thị Thành		01/01/1934	270433413	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4127	Lô Thị Say		20/02/1934		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4128	Hồ Công Quang	01/01/1983			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4129	Nguyễn Thanh Tuấn	01/01/1981		271412140	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4130	Nguyễn Thị Mỹ Dung		03/03/1952		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4131	Huỳnh Thị Thanh Vân		18/05/1963		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4132	Bá Thị Dương		24/12/1977		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người đơn thân thuộc hộ nghèo nuôi trên 01 con	600.000	1.500.000	
4133	Vân Thị Thế		01/01/1933		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4134	Nguyễn Nga	20/03/1934			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4135	Nguyễn Thị Hương		10/07/1936		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4136	Nguyễn Sài	01/01/1935			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4137	Huỳnh Văn Gấm	01/03/1935			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4138	Trần Thị Luật		16/03/1935		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4139	Phan Thanh Phúc	01/01/1986			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4140	Đỗ Thị Thoa		30/01/1935	270416867	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4141	Hà Ngọc Nghĩa Hiếu Trang	26/12/1993			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4142	Nguyễn Văn Ba	01/05/1935			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4143	Trần Thị Hải		01/01/1940	270433197	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4144	Nguyễn Thị Hòe		24/05/1935		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4145	Huỳnh Thị Xuân Hương		03/07/1937	216085990	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4146	Nguyễn Ngọc Hiệp	15/08/1964			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4147	Phạm Hữu Hiệp	10/05/1981			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4148	Đỗ Lê Anh Dũng	24/02/2013			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4149	Đỗ Văn Tuyến	15/08/1971			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4150	Phan Thị Mão		12/10/1935		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4151	Trương Văn Thiệp	15/10/1935		270435105	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4152	Phạm Hữu Bài	01/12/1949			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4153	Phạm Thanh An	18/06/1974			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4154	Nguyễn Thị Hai		14/11/1935		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4155	Vũ Văn Chất	01/01/1936			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4156	Phạm Văn Tiền	16/12/1965		276019429	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4157	Trần Thị Màng		01/01/1936		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú (ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BTXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4158	Lê Khoái	08/01/1936			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4159	Võ Nhi	30/07/1936		270433383	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4160	Nguyễn Bình	11/11/1960			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4161	Lê Tuấn Hải	09/10/1972			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	
4162	Lê Thị Phụng Hoàng		25/10/1936		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4163	Nguyễn Văn Di	01/01/1937			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4164	Thái Thị Mỹ Liên		20/11/1936		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4165	Bùi Thị Lý		01/01/1937		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4166	Trần Thị Miên		15/01/1937		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4167	Trần Thị Tường		01/01/1937		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4168	Hoàng Thị Xê		01/01/1937		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4169	Trần Thị Bạch Xuất		01/01/1937		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4170	Nguyễn Thị Phụng		01/01/1937	271082088	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4171	Phan Thị Hải		01/01/1927	270539840	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4172	Đỗ Thị Mai Phương		31/10/2010		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4173	Phạm Thị Loan		30/10/1959	270416818	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật nặng	450.000	1.500.000	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú(ấp, khu phố)	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí (nghìn đồng)		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ COVID-19	
4174	Trần Văn Trật	24/06/1937		270044199	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4175	Nguyễn Thị Tiết		01/01/1937	270416881	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4176	Đặng Thị Từ		01/01/1937	270447545	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4177	Hà Uy Viễn	26/10/1986		271748918	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
4178	Lê Thị Liên		18/01/1957	271248918	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4179	Nguyễn Thị Thanh		05/11/1940	270494758	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4180	Trần Thị Vinh		01/02/1969	270835312	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4181	Hà Thị Liễu		01/10/1937	270433412	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4182	Đỗ Thị Ngọc Phương		14/02/2016		ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người khuyết tật đặc biệt nặng là cao tuổi hoặc trẻ em	750.000	1.500.000	
4183	Đỗ Văn Tiền	05/06/1984			ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Hộ có 1 người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000	
4184	Nguyễn Thị Huệ		01/01/1938	270433186	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4185	Phạm Thị Phụ		01/01/1938	270433140	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4186	Hoàng Thị Sương		12/10/1937	270433796	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4187	Trần Thị Tích		02/06/1937	190256813	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4188	Ngô Thị Lan		01/12/1937	271296689	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4189	Phạm Văn Oai	01/01/1930		272957180	ấp Quảng Phát, xã Quảng Tiến	Người từ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	